

**VẤN ĐỀ TIẾNG ANH CHUẨN VÀ TIẾNG ANH QUỐC TẾ: NHỮNG HÀM Ý
CHO VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH Ở VIỆT NAM**

*Tôn Nữ Như Hương, Phạm Hòa Hiệp, Võ Thị Hoàng Nguyên
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*

TÓM TẮT

Hiện nay, trên thế giới, số lượng người dùng Tiếng Anh như một ngoại ngữ nhiều hơn gấp ba lần số người nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ (Crystal 2003). Vì vậy, quan niệm về tiếng Anh như là một ngôn ngữ quốc tế đã trở thành một vấn đề lớn gây nhiều tranh luận. Ngoài ra, có nhiều loại tiếng Anh khác nhau đang được sử dụng để giao tiếp toàn cầu. Vấn đề đặt ra là loại tiếng Anh nào được xem là mô hình thích hợp để giảng dạy để thúc đẩy việc giao tiếp khu vực và quốc tế? Nhiều học giả như Seidlhofer (2001), Jenkins (2000), McKay (2002) kiến nghị phải nghiên cứu thực tế bối cảnh ngôn ngữ xã hội và quan điểm của giáo viên, người học và người sử dụng tiếng Anh của từng nước và từng nơi cụ thể thì mới có thể giúp phát triển một loại Tiếng Anh mang tính quốc tế và một mô hình giảng dạy tiếng Anh phù hợp cho nước đó. Bài báo này tóm lược một số kết quả của nghiên cứu về quan điểm của giáo viên và sinh viên ngành Tiếng Anh về các loại tiếng Anh mà họ cho là có lợi nhất đối với việc dạy và học của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng đa số các giảng viên và sinh viên ngành tiếng Anh ở miền Trung Việt Nam tin rằng mô hình tiếng Anh của người bản ngữ như người Mỹ và người Anh vẫn là mô hình có lợi và khả thi nhất để dạy và học trong lớp. Tuy nhiên, ngoài lớp học, người học cần làm quen với các loại tiếng Anh khác như tiếng Anh của Singapore, Hong Kong, Philippin...

1. Giới thiệu

Ngày nay, cùng với xu thế toàn cầu hóa, tiếng Anh ngày càng được sử dụng rộng rãi. Trên thế giới, ngày càng có nhiều quốc gia sử dụng tiếng Anh như là một ngôn ngữ trung gian (lingua franca) để giao tiếp – không chỉ với các nước nói tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ (native English speaking countries) mà còn với các nước không dùng tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ (non-native English-speaking countries) trong các bối cảnh mang tính quốc tế như hội nghị, hội thảo và trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, giáo dục cũng như giải trí. Thống kê của các học giả trong ngành trên thế giới đã cho thấy vị trí quốc tế của tiếng Anh. Theo Crystal (1977) thì có khoảng 670 triệu người trên thế giới sử dụng thông thạo tiếng Anh như người bản ngữ hoặc gần như người bản ngữ. Nếu tính cả những người sử dụng tiếng Anh để giao tiếp một cách tương đối (Crystal, tr. 61) thì con số này lên đến 1.800 triệu người. Theo Strevens (1983), có khoảng trên 600

triệu người sử dụng tiếng Anh hàng ngày, trong đó một nửa là dùng tiếng Anh như bản ngữ, còn một nửa là nói tiếng Anh do tự học hay được giảng dạy.

Ở Việt Nam, kể từ khi Chính phủ đưa ra chính sách Đổi Mới vào năm 1986, tiếng Anh ngày càng giữ vai trò quan trọng thay thế dần địa vị thống trị của tiếng Nga trước đây. Đặc biệt, việc Hiệp định Tự do Thương mại được ký kết với Hoa Kỳ (2001) và sự kiện Việt Nam gia nhập WTO (2006) càng làm cho vị thế tiếng Anh ngày càng nâng cao. Tầm quan trọng của tiếng Anh được củng cố mạnh mẽ hơn nữa vào năm 2004, sau khi Báo cáo của Chính phủ được trình lên Quốc hội, trong đó đã trình bày chi tiết về đề án mang tính chiến lược dành cho giáo dục ngoại ngữ mang tầm quốc gia. Trong đề án này, tiếng Anh được xem là ngoại ngữ quan trọng nhất (theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006). Hiện nay, ở Việt Nam, tiếng Anh được giảng dạy ở tất cả các trường cấp 2, cấp 3, bậc đại học và tại các lớp ngoại ngữ ban đêm khắp cả nước. Trong hệ thống giáo dục công lập, ngoại ngữ chính là tiếng Anh, mặc dù tiếng Pháp và tiếng Nga cũng được giảng dạy. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra năm 2006, có 67% học sinh cấp hai và 86% học sinh cấp ba học tiếng Anh ít nhất là 3 tiếng một ngày và có 90% sinh viên đại học chọn tiếng Anh là ngoại ngữ bắt buộc (Le, 2007). Ngay cả sinh viên không chuyên ngành cũng phải học 200 giờ tiếng Anh trong khóa học 4 năm của họ. Các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh phải học 1.200 giờ thực hành kỹ năng tiếng Anh trước khi học các môn chuyên ngành như văn hóa Anh, Hoa Kỳ, văn hóa Úc và ngôn ngữ học. Vì vậy, có thể nói rằng, tiếng Anh luôn giữ vị thế là một trong những ngoại ngữ quan trọng nhất trong hệ thống giáo dục quốc gia Việt Nam.

2. Tranh luận về tiếng Anh chuẩn và tiếng Anh quốc tế

Việc tiếng Anh trở thành một ngôn ngữ quốc tế đã đặt ra những vấn đề tranh luận liên quan đến quyền sở hữu tiếng Anh: quốc gia nào thật sự sở hữu tiếng Anh, và loại tiếng Anh nào sẽ được xem là mô hình thích hợp để giảng dạy để thúc đẩy việc giao tiếp khu vực và quốc tế? Những vấn đề này đã gây ra nhiều tranh luận trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Cách đây nhiều thập niên, nhà ngôn ngữ học Quirk (1985) cho rằng việc giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bao gồm cả nói và viết một cách đúng, chính xác và thích hợp trong một khuôn mẫu hoàn toàn được đặt ra bởi người bản ngữ như người Anh, người Mỹ, người Úc. Tuy nhiên, ngày nay khuôn mẫu của người bản ngữ đang bị chất vấn. Nhiều học giả (Jenkins 2000, 2006; McKay 2002; Brutt Griffler 2002; Seidlhofer 2001) tin rằng việc sử dụng tiếng Anh hiện nay đã vượt xa ngoài phạm vi giao tiếp giữa những người bản ngữ với người không bản ngữ, lan rộng đến giao tiếp giữa những người không bản ngữ với nhau trong các bối cảnh quốc tế. Điều này cũng dễ hiểu khi thật sự chỉ có 1/4 người sử dụng tiếng Anh trên thế giới là người bản ngữ (Crystal 2003), phần lớn những giao tiếp trao đổi bằng tiếng Anh xảy ra ở những quốc gia không nói tiếng Anh và chẳng hề liên quan đến người bản ngữ nào cả (Graddol 1997). Ví dụ, trong trường hợp một nhà xã hội học người Hà Lan dùng tiếng Anh để giao tiếp với đồng

nghiệp người Thụy Điển ở một hội thảo ở Đan Mạch, hay một thương gia người Hàn Quốc dùng tiếng Anh để tiếp xúc với đối tác người Việt của mình ở Việt Nam.

Vì vậy, trong thập kỷ vừa qua, đã có những quan điểm cho rằng giáo viên, học viên và tất cả những người sử dụng tiếng Anh nên thay đổi cách nhìn nhận về mô hình tiếng Anh của người bản ngữ. Không nên xem khuôn mẫu bản ngữ là mục tiêu duy nhất để dạy và học, cũng như để giao tiếp. Nói cách khác, người ta nghi ngờ là liệu tiếng Anh “chuẩn” của người bản ngữ (người Anh, người Mỹ, người Úc) có còn là mô hình tiếng Anh thích hợp để giảng dạy ở các nước không nói tiếng Anh trên khắp thế giới không. Một số học giả mạnh dạn đưa ra các mô hình tiếng Anh mang tính quốc tế hơn, ví dụ mô hình EIL hay English as an International Language (tiếng Anh như là ngôn ngữ quốc tế), ELF hay English as a Lingua Franca (tiếng Anh như là ngôn ngữ trung gian), WE hay World English(es) (các loại tiếng Anh thế giới như tiếng Anh của Singapore, Tiếng Anh của Ấn Độ...). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là EIL, ELF hay WE có thể là những khái niệm mơ hồ (Tarone, 2004; Matsuda, 2002; Pham, 2006). Liệu có thể có một ngôn ngữ tồn tại tách rời bối cảnh văn hóa xã hội của một quốc gia cụ thể, mang những đặc trưng hoàn toàn quốc tế, được cả thế giới dùng chung để giao tiếp với nhau không?

Thậm chí nhiều nhà phê bình cho rằng những khái niệm về EIL, ELF hay WE cũng như những kiến nghị về mô hình của việc giảng dạy các loại tiếng Anh đó chỉ là quan điểm thiên vị, giả định hay cảm nhận riêng của một số các học giả. Dường như các học giả đề xuất mô hình tiếng Anh quốc tế có xu hướng giới thiệu loại tiếng Anh này với tất cả những người học tiếng Anh trong khi họ lại thiếu một sự hiểu biết sâu sắc về những động lực của việc sử dụng tiếng Anh trong các bối cảnh cụ thể của từng quốc gia hay từng tình huống. Taylor (2006) đã chỉ ra rằng điều này sẽ dẫn đến “một hướng tiếp cận áp đặt lên động cơ, mong muốn và nguyện vọng của người học, làm sai lệch mô hình hữu ích của người học, cho dù điều này có liên quan hay không đến cái gọi là chuẩn hay phi chuẩn” (tr.51).

Ở Việt Nam, mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có một số quy định về chuẩn tiếng Anh dùng trong chương trình phổ thông thông trung học (cụ thể là trong các sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông từ lớp 6 đến lớp 12, từ vựng, điểm văn hóa của nhiều nước được đưa vào), nhưng các băng nghe được thu hầu hết với giọng đọc của người Mỹ. Vấn đề nên giảng dạy mô hình tiếng Anh của nước nào ở bậc đại học và trong xã hội vẫn chưa được nghiên cứu. Trong thập niên vừa qua, một số học giả Việt Nam như Trần Văn Phước (2003), Bùi Hiền (2004), Phan Văn Quế (2007) đã có những công trình và bài viết nhìn nhận về vai trò của tiếng Anh quốc tế hay tiếng Anh mang sắc thái địa phương thích hợp với bối cảnh hội nhập của Việt Nam. Tuy nhiên, để làm cơ sở dữ liệu cho các đề xuất về chính sách ngôn ngữ và chiến lược phát triển ngôn ngữ ở Việt Nam, cần thiết phải có một công trình nghiên cứu có tính hệ thống về quan điểm của người học và người dạy, cũng như các nhà hoạch định chính sách về mô hình tiếng Anh gì là phù hợp nhất cho Việt Nam.

Tranh luận về nên dạy và học tiếng Anh chuẩn hay các loại tiếng Anh khác cũng được diễn ra khá sôi nổi ở Việt Nam. Tiêu biểu là hai bài báo với cách nhìn có phần tương quan và trái ngược nhau của Trần Thị Lan (2000) và Phạm Hòa Hiệp (2001). Trong bài báo có tiêu đề “A Vietnamese Perspective on World Englishes” (Quan điểm của một người Việt Nam về vấn đề tiếng Anh thế giới), Trần Thị Lan khẳng định “tiếng Anh thuộc quyền sở hữu của những người sử dụng nó” dựa trên quan điểm của Kachru (1992): tiếng Anh không chỉ là thuộc quyền sở hữu của những người nói tiếng Anh như tiếng mẹ (các nước như Anh, Mỹ, Úc) mà còn thuộc về những người sử dụng tiếng Anh để giao tiếp (như Singapore, Ấn Độ, Philippines), hay ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như một ngoại ngữ (Việt Nam Trung Quốc, Hàn Quốc). Trần Thị Lan cho rằng “Nếu một ngôn ngữ mang bản chất quốc tế như tiếng Anh, thì bản thân nó không chứa đựng một nền văn hóa nào cả” (2000). Do vậy, những người không bản ngữ khi giao tiếp không cần phải phát âm tiếng Anh giống giọng của người Mỹ, người Anh, người Úc hay người Canada. Bà đưa ra ví dụ là trong bối cảnh một cuộc hội nghị ASEAN, để giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh, một người Indonesia không nhất thiết phải có giọng hay phát âm giống tiếng Anh của người Anh hay của người Mỹ (tr.28). Từ đó, bà kiến nghị nên dạy nhiều loại tiếng Anh khác tiếng Anh chuẩn trong nhà trường ví dụ như tiếng Anh của người Singapore, tiếng Anh của người Ấn Độ. Ngược lại, trong bài báo “A Second Look at the question of the ownership of English” (Một cách nhìn khác về vấn đề quyền sở hữu tiếng Anh) (2001), Phạm Hòa Hiệp, cho rằng quan điểm của Trần Thị Lan về tiếng Anh quốc tế và vấn đề sở hữu tiếng Anh bị hạn chế và cần phải được xem xét ở một góc độ khác. Theo Phạm Hòa Hiệp, cho dù có nhiều biến thể tiếng Anh trên thế giới, nhưng chỉ có tiếng Anh chuẩn của người bản ngữ (Standard English) được dùng rộng rãi ở các phương tiện thông tin đại chúng và là loại tiếng Anh được sử dụng để giao tiếp thành công. Những người nói tiếng Anh đến từ những nơi khác nhau, khi giao tiếp với nhau, để dễ dàng hiểu được nhau, đều cố gắng sử dụng tiếng Anh chuẩn, hay gần chuẩn. Vì vậy việc giảng dạy tiếng Anh chuẩn là cần thiết và thiết thực cho người học để giúp họ phát triển năng lực giao tiếp. Hơn nữa, việc dạy tất cả các loại tiếng Anh khác thì không khả thi và khó thực hiện trong lớp học do hạn chế về thời lượng, tài liệu giảng dạy...

Nói tóm lại, để có thể thiết kế một chiến lược giảng dạy tiếng Anh thích hợp, cần có những công trình nghiên cứu có hệ thống về tính thích hợp và lợi ích của các loại tiếng Anh cho từng nước và từng hoàn cảnh cụ. Theo Seidlhofer (2001), Jenkins (2000), McKay (2002) và một số học giả khác nhận định, cần phải có các nghiên cứu thực tế về bối cảnh ngôn ngữ xã hội và quan điểm của giáo viên, học viên và người sử dụng tiếng Anh của từng nước và từng khu vực cụ thể thì mới có thể giúp phát triển một loại Tiếng Anh mang tính quốc tế và một mô hình giảng dạy tiếng Anh phù hợp cho nước đó.

3. Nghiên cứu

3.1. Mục đích và phương pháp nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu mục đích học tiếng Anh của sinh viên, cũng như quan điểm của giáo viên và sinh viên về loại tiếng Anh nào họ cho là có lợi nhất cho việc dạy và học ở miền Trung Việt Nam.

Nghiên cứu này sử dụng cả phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Công cụ nghiên cứu gồm một bản câu hỏi được phát cho 250 sinh viên đang học tiếng Anh ở trường Đại học Ngoại ngữ Huế (xem phụ lục 1). Các sinh viên này đến từ nhiều tỉnh miền Trung Việt Nam như Quảng Nam, Đà Nẵng, Nha Trang, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình và Thừa Thiên Huế. Một bản câu hỏi khác cũng được phát cho 80 giáo viên và giảng viên đang giảng dạy tại các trường đại học và các trường trung học phổ thông ở nhiều vùng khác nhau ở miền Trung Việt Nam (xem phụ lục 2). Các bản câu hỏi này bao gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi mở với mục đích thu thập những suy nghĩ, cảm nhận của những người trả lời về những quy tắc và tiêu chuẩn tiếng Anh đặc biệt là về cách phát âm và ngữ pháp. 100 % bản câu hỏi cho giáo viên và sinh viên được thu về và được phân tích với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS (phiên bản 16.0). Ngoài ra, có 10 giáo viên và 15 sinh viên được phỏng vấn sâu nhằm bổ sung cho các số liệu định lượng. Sau đây là một số kết quả chính của nghiên cứu.

3.2. Động cơ học tiếng Anh ở Việt Nam

Trước khi nghiên cứu xem học sinh và sinh viên thích loại tiếng Anh nào, vấn đề quan trọng là cần có ý kiến của sinh viên về lý do tại sao họ muốn học tiếng Anh.

Trong phần này, các loại động cơ hay lý do học tiếng Anh được tổng hợp và phân tích từ phiếu điều tra được phát cho gần 250 sinh viên. Bảng 1 dưới đây tổng hợp các kết quả thu được về những động cơ học tiếng Anh của người người tham gia trả lời.

Bảng 1. Động cơ học tiếng Anh

Động cơ học	Tỷ lệ	
a. Để tìm được một việc tốt	43 %	N=250
b. Vì tiếng Anh là môn học bắt buộc ở trường	30 %	
c. Để giao tiếp với những người không nói được tiếng Việt	14 %	
d. Để đi du học	13 %	
e. Cho mục đích giải trí	5 %	
f. Cho sở thích cá nhân	4 %	
g. Lý do khác	1 %	

Trong các cuộc phỏng vấn chuyên đề về động cơ hay lý do học tiếng Anh, nhiều sinh viên có khuynh hướng đưa ra những lý do chung chung như “Tôi học tiếng Anh bởi vì tiếng Anh đã trở thành một ngôn ngữ giao tiếp quốc tế và mọi người đang cố gắng học tiếng Anh”, hoặc “Tiếng Anh sẽ cho tôi một tương lai tốt đẹp hơn” hay “Nếu biết tiếng Anh, tôi có thể nói chuyện với bất cứ người ngoại quốc nào”. Một số sinh viên cũng phát biểu rằng họ nuôi hy vọng sẽ đi du học một ngày nào đó, vì vậy, tiếng Anh đối với họ rất quan trọng. Số khác xem tiếng Anh như là công cụ giúp họ có được việc làm lương cao hơn. Tuy nhiên, trong khi nhiều sinh viên nói rằng tiếng Anh sẽ cho họ một tương lai tốt hơn bởi vì nó sẽ giúp cho họ có được công việc tốt, một số khác thì nghi ngờ về lợi ích của tiếng Anh. Ví dụ, một sinh viên đã phát biểu rằng:

Mọi người đều cho rằng tiếng Anh là quan trọng, những đây chỉ là lời đồn thổi, khéo tưởng tượng. Về lâu dài tiếng Anh có thể quan trọng, nhưng đối với nhiều người tiếng Anh chẳng quan trọng chút nào cả bởi vì trong thành phố này sau khi sinh viên ra trường họ xin làm việc cho cửa hàng, tiếp tân cho các khách sạn nhỏ, nhân viên làm ở các bưu điện, những vị trí này không yêu cầu biết tiếng Anh nhiều hoặc chỉ yêu cầu kỹ năng tiếng Anh ở mức độ tối thiểu.

3.3. Loại tiếng Anh được ưa thích và được cho là có lợi nhất

Ý kiến của sinh viên

Trong cuộc điều tra, có 18% số sinh viên trả lời rằng ra khỏi lớp học họ thường sử dụng tiếng Anh với người bản ngữ nhiều hơn với người không bản ngữ. Trong khi đó, hơn một nửa (52,4%) sinh viên được phỏng vấn nói rằng họ sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với người không bản ngữ nhiều hơn và 29,6% cho rằng họ không biết chắc chắn là sử dụng tiếng Anh với người bản ngữ nhiều hơn hay với người không bản ngữ nhiều hơn.

Bảng 2. *Việc sử dụng tiếng Anh bên ngoài lớp học*

Sử dụng tiếng Anh	Tần số (n=250)	%
Ở ngoài lớp học, tôi thường dùng tiếng Anh với người bản ngữ nhiều hơn	45	18.0
Ở ngoài lớp học, tôi thường dùng tiếng Anh với người không bản ngữ nhiều hơn	131	52.4
Tôi không chắc là mình dùng tiếng Anh với ai nhiều hơn	74	29.6
Tổng cộng	250	100.0

Mặc dù nhiều sinh viên khi được hỏi ý kiến vẫn tin rằng việc giao tiếp bên ngoài lớp học diễn ra với người không bản ngữ nhiều hơn với người bản ngữ nhưng họ vẫn

cho rằng thích học chuẩn mực của người nói tiếng Anh bản ngữ với 42,8% hoàn toàn đồng ý và 45,6% đồng ý. Họ phát biểu rằng: “Tôi muốn học loại tiếng Anh mà người bản ngữ sử dụng”, trong khi chỉ có 12,4 % hoàn toàn đồng ý với câu: “Tôi muốn học loại tiếng Anh giúp bản thân có thể giao tiếp với tất cả những người không bản ngữ ở khắp thế giới” (Bảng 3.1). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng hơn một nửa số sinh viên (62,4%) vẫn muốn học tiếng Anh mà người không bản ngữ sử dụng (Bảng 3.2).

Bảng 3.1. *Mức độ tán thành của sinh viên về tiếng Anh người bản ngữ và không bản ngữ*

Quan niệm	Ý kiến	Tần số (n=250)	%	Phần trăm hợp lệ
Tôi muốn sử dụng loại tiếng Anh mà người bản ngữ dùng	Không đồng ý	4	1,6	1,6
	Trung lập	25	10,0	10,0
	Đồng ý	114	45,6	45,6
	Hoàn toàn đồng ý	107	42,8	42,8
	Tổng cộng	250	100,0	100,0

Bảng 3.2. *Mức độ tán thành của sinh viên về tiếng Anh người bản ngữ và không bản ngữ*

Quan niệm	ý kiến	Tần số (n=250)	%	Phần trăm hợp lệ
Tôi muốn sử dụng loại tiếng Anh giúp cho mình giao tiếp được với người không bản ngữ trên khắp thế giới	Hoàn toàn không đồng ý	3	1,2	1,2
	Không đồng ý	20	8,0	8,0
	Trung lập	71	28,4	28,4
	Đồng ý	125	50,0	50,0
	Hoàn toàn đồng ý	31	12,4	12,4
	Tổng cộng	250	100,0	100,0

3.3.1. Loại phát âm được ưa chuộng hơn:

Chúng tôi cũng đặc biệt xem xét chuẩn phát âm nào mà sinh viên muốn tiếp nhận. Áp dụng nghiên cứu của Timmis (2002), sinh viên của chúng tôi khi được phỏng vấn được yêu cầu đọc một câu do sinh viên A, đại diện cho chuẩn mực người nói bản

ngữ phát biểu và một câu khác do sinh viên B, có sự dung hợp: chỉ cần sự dễ hiểu trong phát âm, phát biểu.

Sinh viên A: “Hiện tại tôi có thể phát âm tiếng Anh giống như người bản ngữ. Đôi lúc người ta nghĩ rằng tôi là người bản ngữ”

Sinh viên B: “ Hiện tại tôi có thể phát âm tiếng Anh một cách rõ ràng. Người nói tiếng Anh bản ngữ và không bản ngữ có thể hiểu lời tôi nói ở bất cứ nơi đâu, nhưng tôi vẫn giữ giọng phát âm của đất nước mình.”

Sau đó, sinh viên được yêu cầu gạch dưới một trong các câu trả lời sau:

Bạn nghĩ là mình có thể trở thành sinh viên A hay B?

Bạn muốn giống sinh viên A hay sinh viên B?

Bạn thích giống sinh viên nào hơn, A hay B?

Bảng 4 chỉ ra rằng, chỉ có 18,4% sinh viên trả lời nghĩ rằng họ có thể giống sinh viên A, thì có đến 92,8% câu trả lời rằng họ mong muốn giống sinh viên A (đại diện cho phát âm của người bản ngữ) trong tương lai. Trong lúc đó, 73,2% nghĩ rằng họ có thể giống sinh viên B (đại diện cho sinh viên có phát âm không bản ngữ hơn nhưng vẫn phát âm rõ ràng) nhưng chỉ có 53,2% mong muốn giống sinh viên B.

Bảng 4. *Quan điểm của sinh viên đối với phát âm của người bản ngữ và phát âm của người không bản ngữ*

1. Như người bản ngữ	Ý kiến	Tần số (n=250)	%
SV nghĩ mình có thể giống sinh viên A	Có	46	18,4
	Không	137	54,8
	Không biết	67	26,8
	Tổng	250	100,0
Mong ước mình có thể giống sinh viên A	Có	232	92,8
	Không	17	6,8
	Không biết	1	0,4
	Tổng	250	100,0
2. Như người không bản ngữ	Ý kiến	Tần số (n =250)	%
SV nghĩ mình có thể	Có	183	73,2

giống sinh viên B	Không	37	14,8
	Không biết	30	12,0
	Tổng	250	100,0
Mong ước mình có thể giống sinh viên B	Có	133	53,2
	Không	78	31,2
	Không biết	39	15,6
	Tổng	250	100,0

Khi phải chọn lựa giữa sinh viên A hoặc sinh viên B, thì 55% người được hỏi thích phát âm giống sinh viên A trong khi đó 45% sinh viên chọn giống sinh viên B (Bảng 5). Điều này chỉ ra rằng mặc dù tiếp xúc với các sách giáo khoa hay tài liệu nghe nhìn bằng tiếng Anh chuẩn và tin rằng năng lực giống người nói tiếng Anh bản ngữ là một chuẩn mực cho sự hoàn hảo thì họ vẫn có ý thức về các loại phát âm khác. Tuy vậy, các sinh viên vẫn hài lòng ở mức độ phát âm dễ hiểu hơn là phát âm giống người bản ngữ.

Bảng 5. Lựa chọn của sinh viên đối với phát âm của người bản ngữ và không bản ngữ

Lựa chọn	Tần số	%
Thích sinh viên A (bản ngữ)	165	55%
Thích sinh viên B (không bản ngữ)	85	45%
Tổng cộng	250	100%

3.3.2. Ngữ pháp

Chúng tôi cũng khảo sát về loại ngữ pháp mà sinh viên muốn tiếp nhận.

Sinh viên trong nghiên cứu của chúng tôi được yêu cầu đọc câu phát biểu của sinh viên C đại diện cho một “ngôn ngữ quốc tế ổn định và thống nhất” (Willis, 1990, trích từ Timmis 2002, trang 244), sinh viên D đại diện cho ngữ pháp dùng cho văn viết trong các tài liệu ELT (giảng dạy ngôn ngữ tiếng Anh), sinh viên E đại diện cho ngữ pháp thuần túy đặt dưới sự kiểm soát của người bản ngữ cả về loại ngữ pháp thông thường và ngữ pháp hình thức/trang trọng. Sinh viên được yêu cầu gạch dưới một câu trả lời cho câu hỏi: “Bạn thích sinh viên nào hơn, Sinh viên C, D hay E?”

Sinh viên C: “Tôi có thể nói những điều gì tôi muốn nói. Bất kỳ tôi ở nơi đâu thì người bản ngữ và không bản ngữ đều có thể hiểu tôi muốn nói gì, nhưng tôi sử dụng tiếng Anh theo cách riêng của mình và thỉnh thoảng tôi nói những điều mà người bản ngữ cho rằng đó là lỗi về ngữ pháp”

Sinh viên D: “Tôi biết tất cả các quy tắc ngữ pháp cần thiết vì vậy tôi có thể nói bất cứ điều gì tôi muốn. Tôi sử dụng những quy tắc này một cách chính xác, nhưng thỉnh thoảng người Anh sử dụng ngữ pháp không có trong sách và tôi không muốn học những điều này”

Sinh viên E: “Tôi sử dụng tất cả những quy tắc ngữ pháp mà người bản ngữ dùng, ngay cả loại ngữ pháp thân mật/không hình thức mà người bản ngữ sử dụng khi họ nói chuyện với nhau.”

Kết quả ở Bảng 6 chỉ ra một xu hướng tương tự trong phần ngữ pháp; có nghĩa là sinh viên chúng ta thích giống bản ngữ nhiều hơn và xem đây là một mục tiêu khi học tiếng Anh. Cụ thể là 74,4% chọn ngữ pháp giống người bản ngữ, 6,8% chọn ngữ pháp giống văn viết trong sách giáo khoa và 18,8% chọn năng lực sử dụng ngữ pháp quốc tế. Kết quả này cũng đồng ý với sự thật rằng ở trường họ được tiếp xúc với phần lớn các tài liệu giảng dạy tiếng Anh của vùng trong (Inner Circle’s ELT materials) (ví dụ như tiếng Anh và tiếng Mỹ).

Bảng 6. Loại ngữ pháp sinh viên cho là có lợi nhất

Lựa chọn	Đặc trưng cho	Tần số	%	Phần trăm hợp lệ
Sinh viên C	Năng lực sử dụng ngữ pháp quốc tế	47	18,8	18,8
Sinh viên D	Ngữ pháp văn viết trong các sách giáo khoa	17	6,8	6,8
Sinh viên E	Năng lực ngữ pháp của người bản ngữ	186	74,4	74,4
Tổng cộng		250	100,0	100,0

Trong các cuộc phỏng vấn chuyên đề, nhiều sinh viên giải thích rằng họ muốn tuân theo các chuẩn mực của người bản ngữ bởi vì đó là chuẩn mực được giảng dạy ở trong chương trình sách giáo khoa. Mục đích của việc học được nhìn nhận là chấp nhận hay bắt chước giống những gì ở trong tài liệu họ tiếp xúc, như một sinh viên phát biểu:

Tôi muốn nói là việc học tiếng Anh tốt là mục đích của tôi... Bản thân tôi luôn cố gắng nói và viết giống như người bản ngữ, như [những gì] trong băng và sách giáo khoa sử dụng trên lớp. Tôi nghĩ rằng, việc tôi càng phát âm hay viết giống họ chứng tỏ rằng tôi càng ngày càng tiến bộ.

Nhiều sinh viên khác bày tỏ rằng, bởi vì tiếng Anh của người bản ngữ là loại

tiếng Anh duy nhất mà họ tiếp xúc và là loại tiếng Anh duy nhất xuất hiện trong những bài kiểm tra mà họ phải làm. Vì vậy, sinh viên chưa thấy được sự cần thiết phải học các loại tiếng Anh khác.

Những gì tôi quan tâm là đạt được điểm cao. Điều này có nghĩa rằng tôi phải làm tốt các bài kiểm tra và học tốt loại tiếng Anh trong sách giáo khoa. Tôi chưa nghĩ đến việc học các loại tiếng Anh khác với những gì tôi đang được yêu cầu học hiện nay.

Tuy nhiên, một số sinh viên có kinh nghiệm sử dụng tiếng Anh thực sự trong giao tiếp với những người nói tiếng Anh không bản ngữ, diễn tả nhu cầu cần học nhiều loại tiếng Anh khác nhau, ví dụ một sinh viên có làm hướng dẫn viên trong thời gian rỗi phát biểu rằng:

Việc biết các loại tiếng Anh theo tôi là có thể hữu ích... Một lần nọ tôi làm phiên dịch cho một người Philippin. Ông ta nói ['Kæ pita:l] chứ không phải ['Kæ pitl] (phát âm từ capital: thủ đô). Khi mới nghe tôi không biết được ông ta muốn nói điều gì.

Đáng chú ý là nhiều sinh viên nói rằng họ không đủ tự tin để đưa ra ý kiến riêng của mình về vấn đề này. Vì vậy, họ chỉ muốn dựa vào giáo viên trong việc đưa ra quyết định xem loại tiếng Anh nào có lợi cho họ.

Em không biết, vì vậy Thầy(Cô) phải giúp chúng em. Thầy cô đi nhiều, sống ở nhiều nước, thầy cô có nhiều kinh nghiệm với người nước ngoài. Vì vậy, thầy cô hãy nói cho em biết loại tiếng Anh nào theo thầy cô là có lợi cho chúng em.

Ý kiến của giáo viên:

Cũng giống như sinh viên, hầu hết những giáo viên trong nghiên cứu này tin rằng giao tiếp bên ngoài lớp học thường xảy ra với nhiều người nói tiếng Anh bản ngữ hơn là với người bản ngữ nói tiếng Anh không bản ngữ. Bởi vậy có đến 65,0% giáo viên cho rằng mục đích cuối cùng là dạy cho sinh viên loại tiếng Anh có thể giúp họ giao tiếp được với cả người bản ngữ và không bản ngữ chứ không riêng gì người bản ngữ mà thôi (Bảng 7).

Bảng 7. Mục đích cuối cùng của giáo viên trong việc giảng dạy tiếng Anh

Mục đích	Tần số (n=80)	%	Phần trăm hợp lệ
Để giúp SV giao tiếp với người bản ngữ (Anh, Mỹ, Úc)	3	3,8	5,4
Để giúp SV giao tiếp với cả người bản ngữ và không bản ngữ	52	65,0	92,9

Để giúp SV giao tiếp với người không bản ngữ	1	1,3	1,8
Tổng cộng	56	70,0	100,0
0 Trống	24	30,0	
Tổng cộng	80	100,0	

Tuy nhiên, như được trình bày ở Bảng 8 dưới đây, có 30 % giáo viên trả lời họ dạy tiếng Anh của người Mỹ, và 20% trả lời họ dạy tiếng Anh của người Anh, trong khi số còn lại dạy tiếng Anh của cả người Anh và người Mỹ. Khi được phỏng vấn, các giáo viên giải thích họ có khuynh hướng giảng dạy tiếng Anh của người Anh và người Mỹ vì tài liệu giảng dạy tại trường phần lớn dùng để dạy tiếng Anh của người Anh hay tiếng Anh của người Mỹ (những tài liệu này do nhà trường đặt mua và được cung cấp qua các nhà xuất bản và cơ sở phát hành sách như Cleveland, Oxford, Cambridge, Apollo...). Vì các tài liệu, như các sách giáo khoa, các băng nghe, băng hình từ hai loại tiếng Anh ở trên là nguồn tài liệu chủ yếu cho việc dạy của họ và bản thân giáo viên không quen với các loại tiếng Anh khác nên việc dạy các loại tiếng Anh khác được xem là không khả thi hay còn nhiều thách thức. Trái với mong đợi của chúng tôi khi đặt câu hỏi này, giáo viên không hề nghĩ đến các loại tiếng Anh nào khác ngoài 2 loại tiếng Anh kết hợp (Anh - Mỹ).

Bảng 8. Các loại tiếng Anh đang được dùng để giảng dạy

Loại Tiếng Anh	Tần số (n=80)	%	Phần trăm hợp lệ
Tiếng Anh của người Mỹ	24	30,0	30,0
Tiếng Anh của người Anh	20	25,0	25,0
Tiếng Anh khác (Mỹ & Anh)	36	45,0	45,0
Tổng cộng	80	100,0	100,0

Tuy nhiên, giáo viên cũng cho rằng việc sinh viên tự mình khám phá loại tiếng Anh khác trong phạm vi lớp học sẽ gặp nhiều khó khăn.

Nhiều sinh viên tốt nghiệp ra trường nói với tôi rằng khi đi làm việc họ giao tiếp với những người Singapore, Trung Quốc và Hồng Kông nhiều hơn những người đến từ nước Anh hay Hoa Kỳ. Vì vậy, tôi nghĩ rằng sinh viên cần học hoặc ít nhất tự mình làm quen với các loại tiếng Anh mà những người ở các nước này sử dụng. Tuy vậy, tôi nghĩ rằng sinh viên cần tự mình khám phá/tìm hiểu những loại tiếng Anh này bên ngoài lớp học. Trên lớp, chúng tôi chỉ có thể dạy tiếng Anh chuẩn. Chúng tôi không có điều kiện và khả năng để dạy các loại tiếng Anh khác. Chúng tôi không quen với những

loại này và không có thời gian để dạy tất cả.

Những giáo viên khác cũng có cùng quan điểm:

Có lẽ sinh viên cần biết rằng ngoài tiếng Anh chính ra còn có các loại tiếng Anh khác và họ cần làm quen với nó. Tuy nhiên, tôi nghi ngờ về việc làm cách nào có thể giới thiệu với sinh viên về những loại tiếng Anh này. Chúng tôi có thể tìm những loại tài liệu để giảng dạy các loại tiếng Anh này ở đâu?

Một số lớn giáo viên cho rằng việc kiểm tra, thi cử cũng có tác động không nhỏ lên việc giảng dạy của họ. Mặc dù mục đích cuối cùng là giúp sinh viên giao tiếp với cả người nói tiếng Anh bản ngữ và người không bản ngữ thì nhu cầu cấp thiết, tức thời là giúp sinh viên có thể làm được bài kiểm tra hay đỗ các kỳ thi cuối cùng hay quốc tế như TOEIC, IELTS, TOEFL để giúp họ có thể tiến nhanh hơn trong sự nghiệp hay việc học tập của họ. Bởi vì tất cả những loại hình kiểm tra nói trên đều nhằm mục đích là đánh giá tiếng Anh của người bản ngữ, nên như vậy thì sẽ “vô ích khi dạy cho học sinh những loại tiếng Anh khác” như một giáo viên bình luận.

Nhiều giáo viên có cùng phát biểu như sau :

Tôi biết rằng có nhiều loại tiếng Anh, nhưng tôi nghĩ rằng giáo viên chỉ nên dạy một loại tiếng Anh, loại tiếng Anh phổ biến và dễ hiểu nhất, ở đây tôi muốn nói đến là tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. Nếu nắm vững được loại tiếng Anh này, thì trong giao tiếp, bất cứ người nói tiếng Anh nào trên thế giới, người bản ngữ cũng như không bản ngữ nào đều có thể hiểu được điều họ [sinh viên] muốn nói.

Khi được hỏi là trong tương lai họ có thể phải dạy một loại tiếng Anh nào khác với loại tiếng Anh chuẩn họ đang dạy không, chỉ có 13,8 giáo viên hoàn toàn đồng ý, và 50 % phần nào đồng ý với phát biểu: *Chúng tôi sẽ giảng dạy các loại tiếng Anh khác trong tương lai*, trong khi đó có 18,8 % không đồng ý với ý kiến trên (Bảng 9)

Bảng 9. Quan điểm của giáo viên về loại tiếng Anh phải dạy trong tương lai

Liệu cô/thầy có thể dạy các loại tiếng Anh khác trong tương lai không?	Tần số (n=80)	%	Phần trăm hợp lệ
Khá không đồng ý	15	18,8	19,0
Trung lập	13	16,3	16,5
Khá đồng ý	40	50,0	50,6
Rất đồng ý	11	13,8	13,9
Tổng cộng	80	100,0	100,0

Các giáo viên tin rằng họ sẽ dạy loại tiếng Anh khác trong tương lai giải thích rằng, bởi vì càng ngày có nhiều hợp đồng giao dịch giữa người Việt Nam và các nước ASEAN cũng như Trung Quốc hơn là với các nước nói tiếng Anh bản ngữ hay các nước ở Vòng Trong (Inner Circle), những nỗ lực dạy loại tiếng Anh khác sẽ nhanh chóng được chú trọng và phổ biến ở Việt Nam. Những giáo viên khác thì cho rằng tiếng Anh của những người nói tiếng Anh bản ngữ ở các nước thuộc Vòng Trong (Inner Circle) sẽ vẫn giữ vị trí là chuẩn mực và mô hình mẫu trong giảng dạy cho dù người Việt Nam sử dụng loại tiếng Anh gì đi nữa.

4. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này có hạn chế về phạm vi. Số lượng giáo viên và sinh viên tham gia còn ít và nghiên cứu chỉ lấy số liệu từ suy nghĩ và cảm nhận của sinh viên ở khu vực trường công lập. Quan điểm của sinh viên và học sinh cũng như của giáo viên ở các trung tâm ngoại ngữ, các trường học tư thục và sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành (như Y, Dược, Nông Lâm...) chưa được đề cập đến. Do vậy, không thể kết luận rằng tất cả những quan điểm và ý kiến nêu ra ở trong bài nghiên cứu đại diện cho tất cả ý kiến của sinh viên và giáo viên trên cả nước Việt Nam. Dầu vậy, chúng tôi vẫn có thể rút ra một số kết luận sau.

Hầu hết những sinh viên Việt Nam nói về mục tiêu học tập – đó là đạt được mục tiêu đề ra trong sách giáo khoa và trong các chương trình học hay tiếp nhận ngay loại tiếng Anh trong các tài liệu của họ - hơn là giao tiếp ở ngoài đời. Điều này dẫn đến việc sinh viên bày tỏ mong muốn học cách phát âm và ngữ pháp của người bản ngữ như người Anh hay người Mỹ để đạt được khuôn mẫu tiếng Anh giống như người bản ngữ. Đây vẫn được xem là nhu cầu cấp thiết của người học tiếng Anh hiện nay, bởi vì mô hình này giúp người học làm bài được các kỳ thi, các bài kiểm tra hay hoàn tất một khóa học hay chương trình học nào đó. Tuy nhiên, nhiều sinh viên ý thức được rằng sau khi kết thúc lớp học, họ có khả năng giao tiếp với người nói tiếng Anh không bản ngữ nhiều hơn là người nói tiếng Anh bản ngữ. Một số khác thậm chí còn cho rằng họ cảm thấy bản thân mình cũng cần phải làm quen với nhiều loại tiếng Anh khác.

Các giáo viên dạy tiếng Anh Việt Nam cũng tin tưởng rằng sau khi học xong thì sinh viên có cơ hội tiếp xúc với những người nói tiếng Anh không bản ngữ nhiều hơn người nói tiếng Anh bản ngữ. Vì vậy, họ nhận thấy tầm quan trọng của việc dạy học hay ít nhất là giúp học sinh làm quen với các loại tiếng Anh khác. Tuy nhiên, các giáo viên cũng bày tỏ rằng hiện nay họ chỉ có thể dạy cho học sinh tiếng Anh dành cho người bản ngữ cũng vì nhiều nguyên nhân khác nhau như thiếu thời gian, thiếu các tài liệu tiếng Anh do người bản ngữ biên soạn và đặc biệt là khuôn mẫu các bài kiểm tra nhằm đánh giá tiếng Anh của người bản ngữ đã không khuyến khích giáo viên dạy các loại tiếng Anh khác mặc dù có một số giáo viên muốn làm điều này, ít nhất là trong thời điểm hiện tại.

Căn cứ vào kết quả của nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất những điểm sau:

Vì tiếng Anh chuẩn (tiếng Anh bản ngữ của người Anh và người Mỹ) được các giáo viên và sinh viên cho là loại tiếng Anh có lợi nhất, ít ra là cho mục tiêu học tập trong giai đoạn hiện nay, nên trong lớp học giáo viên cần chú trọng giảng dạy loại tiếng Anh này. Do hạn chế về thời lượng, giáo trình và tài liệu giảng dạy, sẽ không khả thi và có lợi nếu giáo viên nỗ lực đưa tất cả các loại tiếng Anh khác vào lớp học.

Trong khi tiếng của người Anh người Mỹ được xem là mô hình để giảng dạy, thì không có nghĩa là sinh viên phải tập để đọc theo đúng giọng Anh Mỹ hay phải có những hành vi, cử chỉ như người Anh Mỹ. Điều quan trọng là người học phải biết dùng tiếng Anh chuẩn, có nghĩa là không phải nhất thiết phải đạt đến trình độ chuẩn về phát âm và ngữ pháp như người bản ngữ, bởi lẽ làm được điều này là phi thực tế. Người học cần được dạy dùng tiếng Anh chuẩn để giao tiếp trong một mức độ để những người khác có thể hiểu được mình, đồng thời người học cần được khuyến khích duy trì bản sắc dân tộc và quốc gia mình trong giao tiếp bằng tiếng Anh, thể hiện qua âm giọng và những từ ngữ mang sắc thái địa phương.

Cho dù không thể đưa tất cả các loại tiếng Anh vào dạy trong lớp học, người học cần biết có sự hiện diện của các biến thể nhiều loại tiếng Anh, khác với loại tiếng Anh họ đang học. Vì vậy, người học cần được khuyến khích nhận biết và làm quen với các loại tiếng Anh này thông qua các cơ hội học tập ngoài lớp học, như Internet, phim ảnh, TV truyền hình cáp...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Crystal, D.. *English as a global language* (2nd edition). Cambridge: Cambridge University Press, 2003.
2. Graddol, D.. *The Future of English?* London: The British Council, 1997.
3. Jenkins, J.. *The phonology of English as an International Language*. Oxford: Oxford University Press, 2000.
4. Pham, H. H.. *The Global Spread of English: Ethical and Pedagogic Implications for ESL/ EFL Teachers*, *Journal of Asia TEFL*, 3/1, (2006), 21-32.
5. Quirk, R.. *The English Language in a Global Context*. In *English in the World: Teaching and learning the language and literature*. eds. R. Quirk and H.G. Widdowson. Cambridge University Press, 1985.

THE ISSUE OF STANDARD ENGLISH AND WORLD ENGLISHES: IMPLICATIONS FOR ENGLISH LANGUAGE TEACHING IN VIETNAM

*Ton Nu Nhu Huong, Pham Hoa Hiep, Vo Thi Hoang Nguyen
College of Foreign Languages, Hue University*

SUMMARY

Nowadays, the number of non-native speakers of English is 3 times higher than the number native speakers of English. Recently, recommendations have been made to move beyond the native speaker model as a sole target in English language instruction. However, the orientation for this shift is debatable. Whose English should be the target for instruction in international contexts such as Vietnam?

This paper reports a study which documents students and teachers' views about the kind of English they prefer to teach and learn in Vietnam. The findings show that although the students and teachers believe that they use English more with non-native speakers than with native speakers outside the classroom, British and American English tend to be the preferred model at least in the classroom. There is no simple answer to what kind of English will be useful in Vietnam in the future, though focusing on British and American English in the classroom and encouraging learners to explore other varieties of English outside the classroom is a recommendation.